



ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG - YÊU CẦU CẤP THIẾT TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

PGS.TS. THÁI VĂN THÀNH

Trường Đại học Vinh

1. Đặt vấn đề

Nhà trường phổ thông có vai trò lớn trong việc phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu và định hướng nghề nghiệp, phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời cho học sinh (HS). Việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới đòi hỏi nhà trường phải đổi mới một cách toàn diện từ mục tiêu, nội dung chương trình đến phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục và kiểm tra, đánh giá. Điều đó đòi hỏi cán bộ quản lý (CBQL) nhà trường phải có kiến thức sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: phải có năng lực quản lý, phải đổi mới tư duy và phương thức quản lý nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình GDPT mới. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến những yêu cầu cấp thiết phải đổi mới quản lý nhà trường phổ thông trong bối cảnh hiện nay.

2. Sự cần thiết phải đổi mới quản lý nhà trường phổ thông trong bối cảnh hiện nay

2.1. Yêu cầu toàn cầu hóa nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin

Toàn cầu hóa là sự mở rộng và củng cố các mối quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa giữa các quốc gia, các tổ chức và con người trên quy mô toàn cầu. Toàn cầu hóa biểu hiện trên nhiều mặt: 1) Gia tăng thương mại quốc tế với tốc độ cao; 2) Gia tăng đầu tư cơ bản vào các nước phát triển; 3) Loại bỏ hàng rào thuế quan giữa các quốc gia; 4) Gia tăng thông tin và dữ liệu xuyên biên giới qua các phương tiện thông tin, truyền thông và internet; 5) Gia tăng trao đổi văn hóa quốc tế; 6) Phát triển đa văn hóa; 7) Gia tăng giao dịch, du lịch quốc tế; 8) Phát triển các hệ thống tài chính quốc tế; 9) Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông toàn cầu.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ cao... đã khẳng định vai trò của tri thức có tác động lớn đến nền kinh tế thế giới và xã hội loài người. Kinh tế tri thức có những đặc trưng sau:

Thứ nhất, tri thức là yếu tố quyết định nhất, trở thành tài sản giá trị nhất của xã hội

Đặc điểm lớn nhất làm khác biệt kinh tế tri thức với kinh tế công nghiệp và kinh tế nông nghiệp chính là tri thức trở thành yếu tố quyết định nhất của sản xuất. Vốn quý nhất, động lực quan trọng nhất cho sự phát triển kinh tế là tri thức. Quyền sở hữu tri thức trở thành quan trọng nhất, hơn cả vốn, tài nguyên, đất đai và thường được chú ý trong quan hệ dân sự cũng như thương mại quốc tế.

Thứ hai, sự chuyển đổi nhanh cơ cấu

Tiến tới nền kinh tế tri thức là sự chuyển đổi phương thức sản xuất hàng hóa hàng loạt, theo quy chuẩn xác định của nền kinh tế công nghiệp thành phương thức sản xuất và dịch vụ linh hoạt dựa vào công nghệ cao. Trong nền kinh tế tri thức, các công nghệ, ý tưởng mới là chìa khóa cho việc tạo ra việc làm mới và nâng cao

chất lượng cuộc sống. Nền kinh tế do đó có tốc độ tăng trưởng cao, dịch chuyển nhanh cơ cấu. Quá trình sản xuất hàng hóa được tự động hóa ở mức độ cao nên số người sản xuất đứng máy trực tiếp ít đi, trong khi đó số người làm việc ở văn phòng xử lý thông tin, quản lý hệ thống, nghiên cứu, thử nghiệm tăng nhiều hơn.

Thứ ba, công nghệ thông tin và viễn thông được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội

Trong nền kinh tế tri thức, công nghệ thông tin, viễn thông được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Mạng thông tin được thiết lập đến mọi doanh nghiệp, tổ chức, gia đình, cá nhân qua các hình thức như: Thư điện tử, thẻ tín dụng điện tử, thương mại điện tử, chính phủ điện tử, mạng internet, thị trường ảo, xí nghiệp ảo, đào tạo từ xa... Đảm bảo cho mọi người có thể truy cập một cách thuận lợi vào các kho thông tin cần thiết trên thế giới.

Thứ tư, hệ thống giáo dục thay đổi, chuyển sang hệ thống học tập suốt đời, xã hội học tập

Trong nền kinh tế tri thức, mỗi người có được bao nhiêu tri thức là do việc học tập và năng lực chuyển hóa tri thức của cá nhân. Để không ngừng phát triển kỹ năng, năng lực sáng tạo, mọi người phải học tập thường xuyên, suốt đời, cả xã hội học tập. Với sự bùng nổ thông tin và công nghệ luôn đổi mới, đòi hỏi phải chuyển sang mô hình giáo dục mới, đào tạo cơ bản, vừa làm việc vừa đào tạo. Mọi người phải học tập suốt đời. Hệ thống giáo dục phải đảm bảo cho mọi người có thể học ở mọi lúc, mọi nơi.

Thứ năm, nền kinh tế tri thức là nền kinh tế toàn cầu hóa

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến toàn cầu hóa và kinh tế tri thức. Vì vậy, quá trình toàn cầu hóa cũng là quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức và chúng thúc đẩy nhau cùng phát triển. Tri thức và thông tin sẽ đưa hoạt động kinh tế vượt ra khỏi phạm vi biên giới và trở thành hoạt động mang tính toàn cầu. Toàn cầu hóa tạo cơ hội cho sự phát triển nhanh kinh tế tri thức ở các nước, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức rủi ro.

Thứ sáu, sáng tạo để tồn tại và cạnh tranh

Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế tri thức là sự sáng tạo kinh tế. Trong nền kinh tế tri thức, tri thức mới có vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm và sản xuất. Quá trình từ tri thức mới đến tạo ra sản phẩm được rút ngắn lại gọi là quá trình sáng tạo kinh tế. Sáng tạo kinh tế gồm 5 nội dung, đó là: 1/ Đưa ra một loại sản phẩm mới hoặc nêu ra chất lượng mới cho một loại sản phẩm; 2/ Áp dụng một phương pháp sản xuất mới; 3/ Mở ra một thị trường mới; 4/ Tạo ra được một loại nguyên liệu hoặc một loại bán thành phẩm mới; 5/ Hình thành một hình thức tổ chức xí nghiệp mới. Sáng tạo trở thành yếu tố đảm bảo sự tồn tại và khả năng cạnh tranh của công ty, của quốc gia. Vì vậy, vấn đề quản lý tri thức, quản lý hoạt động sáng tạo để

phát huy hiệu quả nội lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền của quốc gia là hết sức quan trọng.

Thứ bảy, làm cho các nền văn hóa xích lại gần nhau

Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức đang diễn ra trên toàn thế giới. Để tham gia toàn cầu hóa một cách thuận lợi, mỗi quốc gia đều phải xây dựng và phát triển kinh tế tri thức trong bối cảnh toàn cầu hóa, trước hết là vốn con người. Trong bối cảnh mới, do đặc điểm của toàn cầu hóa, nền kinh tế tri thức tạo nên, đòi hỏi nhà trường phải truyền đạt, hình thành cho người học phương pháp học tập, tìm tòi, nghiên cứu và đòi hỏi mọi người phải học tập suốt đời. Sự phát triển của công nghệ thông tin và xu thế toàn cầu hóa đã làm cho các nền văn hóa xích lại gần nhau. Trong đó, có sự hợp tác chia sẻ nhưng cũng có đấu tranh lẫn lộn, bài xích lẫn nhau, thậm chí làm mai một giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Do đó, mỗi người phải có vai trò bảo vệ và chống lại nguy cơ suy thoái văn hóa của quốc gia. Điều này đòi hỏi nhà trường phải hướng đến mục đích giáo dục là đào tạo người học theo 4 trụ cột mà UNESCO khuyến cáo: Học để biết, học để làm, học để làm người và học để cùng chung sống. Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã chỉ rõ: Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Để thực hiện được điều đó, đòi hỏi nhà trường phải thay đổi một cách căn bản từ triết lý giáo dục đến mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục. Chính vì vậy, việc đổi mới quản lý nhà trường phổ thông trong bối cảnh hiện nay là hết sức cấp thiết.

2.2. Quá trình chuyển đổi từ cơ chế hành chính tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nước ta chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chấp nhận tự do cạnh tranh có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường đòi hỏi nhà trường phải năng động, sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh; phải tuân theo các quy luật cơ bản của thị trường là quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh để tồn tại và phát triển.

Để tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy tính sáng tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ngày 17 tháng 10 năm 2005, Chính phủ đã ra Nghị định số 130/2005/NĐ-CP Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước. Năm 2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Yếu tố này cùng tác động mạnh đến nhà trường và đội ngũ CBQL giáo dục. Điều này đòi hỏi nhà trường phải đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, phải biết khai thác các yếu tố tích cực của kinh tế thị trường để phát triển GD&ĐT. Mặt khác, phải biết cách đối phó với những yếu tố tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường để giữ được giá trị nhân

văn và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Đòi hỏi CBQL nhà trường phải nỗ lực phấn đấu phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý của bản thân, phải năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để có thể lãnh đạo, chỉ đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả quyền tự chủ của mình theo quy định của pháp luật, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục.

2.3. Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã xác định rõ quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT [1] là:

GD&ĐT là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, giáo dục được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước hoạt động quản trị của các cơ sở GD&ĐT và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp tục có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học. Các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp. Phát triển GD&ĐT là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường phối hợp chặt chẽ với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Phát triển GD&ĐT phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa GD&ĐT,...

Nghị quyết cũng chỉ rõ các giải pháp thực hiện chính trong quá trình đổi mới là: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới GD&ĐT; Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan; Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, bảo đảm dân chủ, thống nhất; Tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục; Coi trọng quản lý chất lượng; Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT; Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục,...[1, tr 125 -142].

Có thể thấy, Đảng ta đã xác định đổi mới một cách toàn diện, sâu sắc trên mọi phương diện của giáo dục. Với 7 định hướng và 9 giải pháp được đề ra, sự nghiệp đổi mới sẽ ảnh hưởng đến cả hệ thống chính trị, đến tất cả các thành phần xã hội và các yếu tố trong hệ thống giáo dục và nhà trường. Với mục tiêu: Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt

nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc có hiệu quả; xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hoá, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phần đầu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Nghị quyết cũng đã chỉ rõ các giải pháp thực hiện: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới GD&ĐT; Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng; Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD&ĐT...[1]

Riêng đối với giáo dục phổ thông, Nghị quyết nhấn mạnh: Đối với GDPT, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Như vậy, yêu cầu đối với GDPT cũng được nâng lên, đòi hỏi nhà trường phải đổi mới một cách toàn diện từ mục tiêu, nội dung chương trình đến phương pháp giáo dục, kiểm tra, đánh giá. HS được đào tạo một cách toàn diện thì GV và đặc biệt là CBQL nhà trường phải có kiến thức sâu rộng trên nhiều lĩnh vực; phải có năng lực quản lý, lãnh đạo sự thay đổi, phải đổi mới tư duy và phương thức quản lý nhà trường, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết. Đây là một trong những lý do hết sức cơ bản mà CBQL trường phổ thông cần nhận thức sâu sắc và phấn đấu để nâng cao năng lực bản thân, lãnh đạo nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

2.4. Yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực HS và triển khai chương trình, SGK mới

Ngày 25 tháng 06 năm 2013, Bộ GD&ĐT đã có công văn số 791/HD-BGDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông. Việc thí điểm được bắt đầu từ năm học 2013 - 2014 với mục đích: Khắc phục hạn chế của chương trình, SGK hiện hành, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, hoạt động giáo dục của các trường phổ thông tham gia thí điểm; Củng cố cơ chế phối hợp, tăng cường vai trò của các trường sư phạm, trường phổ thông thực hành sư phạm và các trường phổ thông khác trong các hoạt động thực hành, thực nghiệm sư phạm và phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông; Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông cho đội ngũ giảng viên các trường/khoa sư phạm, GV các trường phổ thông tham gia thí điểm; Góp phần chuẩn bị cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn đổi mới chương trình, SGK GDPT sau năm 2015.

Do vậy, nhà trường phổ thông cần phải nhanh chóng đổi mới sinh hoạt chuyên môn, chủ động xây dựng kế hoạch dạy học thích hợp trên cơ sở đề cao vai

trò chủ động, sáng tạo và những ý tưởng mới của CBQL và GV. CBQL nhà trường phổ thông cần phải nắm bắt chủ trương, mục tiêu, yêu cầu của chương trình để chỉ đạo, triển khai có hiệu quả ở nhà trường. Điều đó đòi hỏi CBQL phải được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực để chỉ đạo, quản lý phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực HS; Chỉ đạo nhà trường xây dựng quy trình thực hiện chương trình; đổi mới quản lý việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đổi mới quản lý công tác kiểm tra, đánh giá; xã hội hóa, huy động nguồn lực cho việc thực hiện chương trình,...

Với mục tiêu chuyển đổi quá trình giáo dục từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, hiện nay Bộ GD&ĐT đang bước vào thực hiện Đề án Đổi mới chương trình SGK sau năm 2015. Với định hướng một chương trình dạy phân hóa và tích hợp, chương trình chuẩn với khối kiến thức chuyên sâu của từng môn học để HS lựa chọn và dành một thời lượng nhất định cho giáo dục lịch sử văn hóa của mỗi địa phương; đa dạng hóa SGK và tài liệu dạy học (một chương trình nhiều bộ SGK cho mỗi môn học; sách, tài liệu tham khảo)... đòi hỏi trình độ, năng lực của GV và CBQL phải được nâng cao. Đòi hỏi nhà trường phải nhanh chóng đổi mới, phải năng động, sáng tạo để quản lý, chỉ đạo việc thực hiện thành công chương trình SGK mới. Đây là nguyên nhân quan trọng cho thấy sự cần thiết phải đổi mới cách thức quản lý, điều hành và lãnh đạo nhà trường.

Hiện nay, Bộ GD&ĐT đã xây dựng Dự thảo Chương trình GDPT tổng thể. Chương trình tổng thể quy định những vấn đề chung của GDPT, bao gồm: Quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu chương trình GDPT và mục tiêu chương trình giáo dục của từng cấp học; yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của HS cuối mỗi cấp học; các lĩnh vực giáo dục; hệ thống môn học; thời lượng của từng môn học; định hướng nội dung giáo dục bắt buộc ở từng lĩnh vực giáo dục và phân chia vào các môn học ở từng cấp học đối với tất cả HS trên phạm vi toàn quốc; định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục và cách thức đánh giá kết quả giáo dục của từng môn học; điều kiện tối thiểu của nhà trường để thực hiện được chương trình.

Mục tiêu của chương trình nhằm giúp HS phát triển khả năng vốn có của bản thân, hình thành tính cách và thói quen; phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần; trở thành người học tích cực, tự tin, có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời; Trong chương trình GDPT mới, mục tiêu giáo dục tiểu học đã chú ý đến yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực cho HS và nhấn mạnh: "Định hướng chính vào giá trị gia đình, dòng tộc, quê hương, những thói quen cần thiết trong học tập và sinh hoạt". Mục tiêu giáo dục cấp THCS có những điểm mới: không chỉ nhằm giúp HS củng cố, phát triển các kết quả giáo dục (đạt được về phẩm chất và năng lực) ở tiểu học mà còn xác định cụ thể định hướng giáo dục cho HS biết: "tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội; hình thành năng lực tự học, hoàn chỉnh tri thức phổ thông nền tảng". Mục tiêu giáo dục cấp THPT có thêm điểm mới là giúp HS "có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện lựa chọn hướng phát triển và phát huy năng lực cá nhân" và còn cụ thể hóa định hướng giáo dục: "Giúp HS hình thành phẩm chất và năng lực của người lao động, nhân cách công dân, ý thức quyền và nghĩa vụ đối với

Tổ quốc...; có khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, có hiểu biết và khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân...". Dự thảo Chương trình GDPT tổng thể đã xác định các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cần hình thành, phát triển cho HS; Coi trọng, tăng cường và đổi mới tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình GDPT là hoạt động giáo dục, trong đó dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, từng cá nhân HS được tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn khác nhau của gia đình, nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, các kĩ năng, tích lũy kinh nghiệm riêng và phát huy tiềm năng sáng tạo của mỗi cá nhân.

Điều đó đòi hỏi nhà trường phải nhanh chóng đổi mới mục tiêu, nội dung và hình thức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hoạt động nghiên cứu bài học; xây dựng tập thể GV thường xuyên học hỏi lẫn nhau. Hiệu trưởng nhà trường cần giao quyền chủ động, tạo điều kiện thuận lợi, chú ý phát hiện và động viên kịp thời các sáng kiến, các nhân tố mới; giảm thiểu các hoạt động hành chính, hình thức để GV có điều kiện tập trung vào nhiệm vụ đổi mới hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường phải xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục sao cho đạt kết quả phát triển phẩm chất và năng lực HS theo mục tiêu quy định của chương trình GDPT mới, phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, bảo đảm nội dung và thời lượng giáo dục bắt buộc đối với HS cả nước. Để đạt được điều đó đòi hỏi CBQL nhà trường phải chủ động, tự tin, sáng tạo trong công tác quản lí, chỉ đạo, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Chương trình GDPT được thiết kế theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (gồm giáo dục tiểu học và THCS) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (giáo dục THPT); chủ trương dạy học tích hợp và phân hoá theo yêu cầu mới. Triển khai thực hiện chủ trương này, nhà trường phải bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học tích hợp, phân hoá cho GV; phân công GV có năng lực nhất dạy học các phân môn, các chuyên đề phù hợp; hướng dẫn HS lựa chọn các chuyên đề, các môn học tự chọn phù hợp với khả năng đáp ứng của nhà trường, sắp xếp thời khoá biểu phù hợp; khảo sát hệ thống ngành nghề và nhu cầu nhân lực của địa phương, các cơ sở dạy nghề, hướng nghiệp để có kế hoạch hợp tác giáo dục và tổ chức tư vấn nghề nghiệp cho HS;... Đây là những lí do hết sức quan trọng đòi hỏi phải đổi mới quản lí nhà trường trong bối cảnh hiện nay.

2.5. Yêu cầu hội nhập quốc tế về giáo dục

Nước ta đang trên bước đường hội nhập quốc tế sâu rộng, là thành viên của WTO. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, GD&ĐT ngày càng mang nhiều sắc thái quốc tế với những tiêu chuẩn chung để mở rộng hợp tác giao lưu và hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế tạo cho nhà trường những thời cơ mới để phát triển, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới. Nhà trường phải chủ động hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá và thành tựu khoa học, công nghệ của nhân loại. Nhà trường phải được cải tổ, biết tận dụng mọi cơ hội, mặt khác phải nhận ra những thách thức, có những giải pháp khắc phục để đi đến thành công trong bối cảnh mới. CBQL trường phổ thông phải nhanh chóng đổi mới công tác lãnh đạo, quản

lí và điều hành; xây dựng nhà trường đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Nhà trường phổ thông có vai trò lớn trong việc phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu và định hướng nghề nghiệp cho HS. Việc thực hiện chương trình GDPT mới đòi hỏi nhà trường phải đổi mới một cách toàn diện từ mục tiêu, nội dung chương trình đến phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục và kiểm tra, đánh giá. Chính vì vậy, việc đổi mới quản lí nhà trường phổ thông trong bối cảnh hiện nay là yêu cầu hết sức cấp thiết nhằm đáp ứng: 1/ Yêu cầu toàn cầu hóa nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin; 2/ Quá trình chuyển đổi từ cơ chế hành chính tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 3/ Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT; 4/ Yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực HS và triển khai chương trình GDPT, chương trình SGK mới; 5/ Yêu cầu hội nhập quốc tế về giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [2]. Bộ GD&ĐT, (2013), *Dự án Phát triển GV THPT và Trung cấp chuyên nghiệp, Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lí giáo dục trong thời kì đổi mới*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
- [3]. Bộ GD&ĐT, (2015), *Dự thảo Chương trình GDPT tổng thể (Trong chương trình GDPT mới)*
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Phạm Minh Hạc, (1996), *Mười năm đổi mới GD&ĐT*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Trần Kiểm, (2004), *Khoa học quản lí nhà trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Lộc (Chủ biên), Mạc Văn Trang, Nguyễn Công Giáp, (2009), *Cơ sở lí luận quản lí trong tổ chức giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
- [8]. John C. Maxwell, (2013), *Tinh hoa lãnh đạo*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.

SUMMARY

Schools play an important role in intellectual and physical development, shaping citizens' quality and competence, discovering and fostering talents and career orientation for students. The implementation of new curriculum requires schools to totally innovate in terms of their goal, contents, and teaching methods, organization of educational activities, testing and evaluation. The paper clarifies the need for renewing schools management, contributing to implementing the general curriculum in order to meet following requirements: 1/ Requirement of globalization, knowledge-based economy and information society; 2/ The transitional management mechanism from central administration to market mechanism towards socialist orientation; 3/ Requirement of renewing basic and comprehensive education and training; 4/ Request to develop school curriculum towards students' competence development and new curriculum, textbook implementation; 5/ The requirement of international integration in education.

Keywords: General school; management renewal; management; schools; renewal of school management.